

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 100, Điều 103, Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20/5/2025 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 1010/2024/TLST-KDTM ngày 18/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, Tp ..

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, Ông Trần Huỳnh L, Ông Trần Ngọc H (Văn bản ủy quyền số 215/2025/UQ-SeABank ngày 10/4/2025).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Đ1

Địa chỉ: H N, Phường A, quận P, Tp ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh L1 – Chức vụ: Giám đốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Lưu Thảo O, sinh năm 1972
HKTT: 102/4 H, phường P, Tp ., tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: H N, Phường A, quận P, Tp ..

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công ty TNHH Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: REF2303800180/HĐHMTDLT ngày 16/02/2023; Đơn đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE Số: 16538475/28/11/2023 ký ngày 28/11/2023 tổng số tiền tính đến ngày 20/5/2025 là: 17.442.363.546 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 13.900.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 317.531.275 đồng
- Nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả: 3.224.832.271 đồng

2.2 Ngoài số tiền nêu trên, buộc Công ty TNHH Đ1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: REF2303800180/HĐHMTDLT ngày 16/02/2023; Đơn đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE Số: 16538475/28/11/2023 ký ngày 28/11/2023, kể từ ngày 20/5/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3 Chậm nhất đến hết ngày 20/6/2025, Công ty TNHH Đ1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ.

2.4 Trường hợp sau ngày 20/6/2025, Công ty TNHH Đ1 không thanh toán đủ số tiền nợ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất REF2303800190/HĐTC/BDS/167351/1 ngày 16/02/2023 đã ký theo quy định pháp luật để thu hồi nợ. Các tài sản thế chấp là:

2.4.1 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 454, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, Huyện B, Tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 692878, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00030 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 05/5/2022.

2.4.2 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 457, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, Huyện B, Tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 692882, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00026 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 05/5/2022.

2.4.3 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 458, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, Huyện B, Tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 692881, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00027 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 05/5/2022.

2.4.4 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 561, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, Huyện B, Tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 692880, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00028 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 05/5/2022.

2.4.5 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 562, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, Huyện B, Tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 692883, Sổ vào sổ cấp GCN: CS00025 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh B cấp ngày 05/5/2022.

2.4.6 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 20, địa chỉ: Thôn L, Thị trấn L, Huyện B, Tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 566583, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01211 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2013; cập nhật chuyển nhượng cho bà Nguyễn Lưu Thảo O ngày 19/5/2022 theo hồ sơ số 000618.CN.1357.

2.5 Sau khi phát mãi tài sản các tài sản thế chấp nêu trên mà vẫn chưa thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Đ1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: REF2303800180/HĐHMTDLT ngày 16/02/2023; Đơn đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ SEAMILEAGE Số: 16538475/28/11/2023 ký ngày 28/11/2023 thì Công ty TNHH Đ1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn thành.

2.6 Sau khi Công ty TNHH Đ1 thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ mà không cần phải phát mãi tài sản thế chấp, hoặc sau khi phát mãi một hoặc các tài sản thế chấp nêu trên mà đã đủ để thanh toán tiền nợ của Công ty TNHH Đ1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ phải trả lại cho bà Nguyễn Lưu Thảo O bản chính giấy tờ của (các) tài sản thế chấp chưa phát mãi theo thỏa thuận tại Điều 6 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất REF2303800190/HĐTC/BDS/167351/1 ngày 16/02/2023 đã ký.

2.7 Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 62.721.182 (sáu mươi hai triệu bảy trăm hai mươi một ngàn một trăm tám mươi hai) đồng Công ty TNHH Đ1 tự nguyện chịu.

- H1 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 61.345.000 (sáu mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0029701 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.8 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH Đ1 tự nguyện chịu và phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.PN;
- CCTHA DS Q.PN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Minh Thúy